

Bản án số: 26/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 28/8/2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Duyên

Bà Nguyễn Thị Như Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện VKSND huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Huy Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 28/8/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2020/TLST-HNGĐ ngày 23/7/2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1969

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Duy Th**, sinh năm 1966

Đều ở địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện X, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, chị Bùi Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Duy Th tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Đ. tỉnh Thái Nguyên vào năm 1988, nhưng đã làm mất giấy đăng ký kết hôn. UBND xã V, huyện Đ không còn lưu trữ sổ hộ tịch

trước năm 2000 nên không có căn cứ xác nhận cho chị, chị cũng không nhớ ai là người làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh chị. Từ năm 1999 chị và anhTh chuyển về xã N, huyện X, sinh sống, đến năm 2010 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anhTh không chung thủy, không có trách nhiệm với gia đình, nên sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm không còn, không trở về đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anhTh.

Về con chung: Chị và anhTh có ba con chung là Nguyễn Thị Ph, sinh ngày 03/01/1989, Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 14/12/1999 và Nguyễn Thị Ng M, sinh ngày 09/5/2003. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Thị Ng M, không yêu cầu anhTh góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Con chung Nguyễn Thị Ph và Nguyễn Thị Ng đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện chị làm công nhân tại công ty may L, địa chỉ xã Q, huyện Kiến Xương thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/ tháng. Cháu M có nguyện vọng được ở với chị H khi anh chị ly hôn.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị và anhTh không vay nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 23/7/2020, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Duy Th trình bày về thủ tục kết hôn, lý do không cung cấp được giấy đăng ký kết hôn cho Tòa án phù hợp với lời khai của chị H. Anh xác định không còn tình cảm với chị H, chung sống không có hạnh phúc nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có ba con chung như chị H khai, anh nhất trí để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Ng M, sinh ngày 09/5/2003. Hai con Nguyễn Thị Ph, sinh ngày 03/01/1989 và Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 14/12/1999 đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh và chị H không vay nợ chung.

Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ số 01/BPTNTKQ ngày 07/7/2020 của UBND xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên thể hiện: Hiện nay UBND xã V chỉ lưu trữ được sổ hộ tịch từ năm 2000 trở lại đây, do vậy yêu cầu xác nhận việc đăng ký kết hôn của chị Bùi Thị H tại UBND xã V từ năm 1988 là không đủ căn cứ để xác nhận.

Kết quả xác minh tại UBND xã N, huyện Kiến Xương thể hiện: Chị H và anh Th không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N, chung sống như vợ chồng và có hộ khẩu thường trú tại xã từ năm 1999. Khoảng năm 2010 anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, anh Th không quan tâm đến gia đình, đã sống ly thân nhiều năm, chị H ở nhà nuôi con còn anh Th đi lao động tự do thỉnh thoảng mới về. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Duy Th; giao con chung Nguyễn Thị Ng M, sinh ngày 09/5/2003 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; về tài sản chung các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Bùi Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Duy Th có nơi cư trú xã N, huyện Kiến Xương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn chị Bùi Thị H và bị đơn anh Nguyễn Duy Th đều xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù chị H và anh Th đều khai có đăng ký kết hôn vào năm 1988 tại UBND xã V, huyện Đ. tỉnh Thái Nguyên, xác định không còn tình cảm không trở về đoàn tụ được nên yêu cầu Tòa án xử cho ly hôn. Tuy nhiên tài liệu thu thập được không đủ căn cứ khẳng định anh chị có đăng ký kết hôn, do đó căn cứ vào Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Duy Th.

[5] Về con chung: Chị H và anh Th có ba con chung, hai con chung Nguyễn Thị Ph và Nguyễn Thị Ng đều đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống nên không đặt ra giải quyết. Con chung Nguyễn Thị Ng M, sinh ngày 09/5/2003 ở với chị H từ khi anh chị sống ly thân, chị H có thu nhập ổn định và có điều kiện nuôi dưỡng con tốt hơn anh Th. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị H, ý kiến của anh Th, giao con chung Nguyễn Thị Ng M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 15,81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Th góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Chị H và anh Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các điều 15,16,81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

- Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Duy Th.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Ng M, sinh ngày 09/5/2003. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Nguyễn Duy Th góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh Th có quyền thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001665 ngày 23/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu: hồ sơ, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ